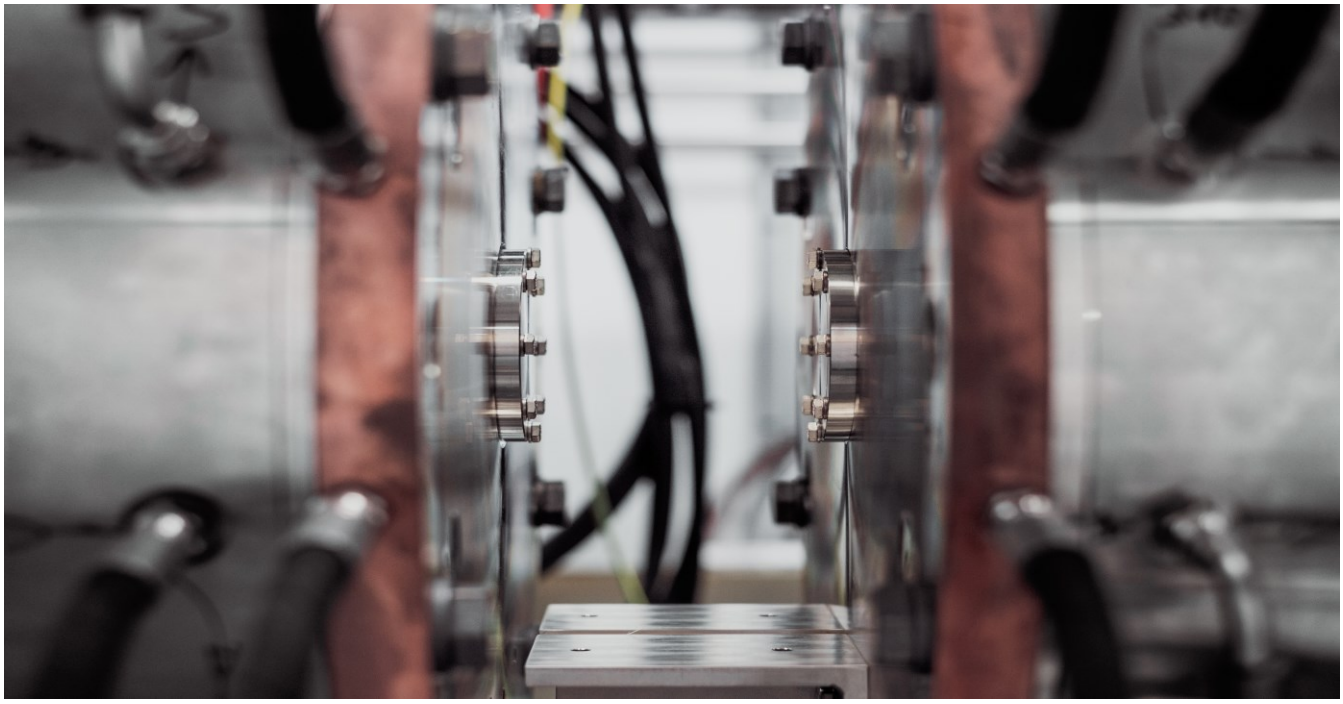
nhquang&associates



Newsletter
09/2018

TIN TIÊU ĐIỂM

- Đơn giản thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy

- Cập nhật tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình trong tố tụng dân sự

TRANG DỰ THẢO

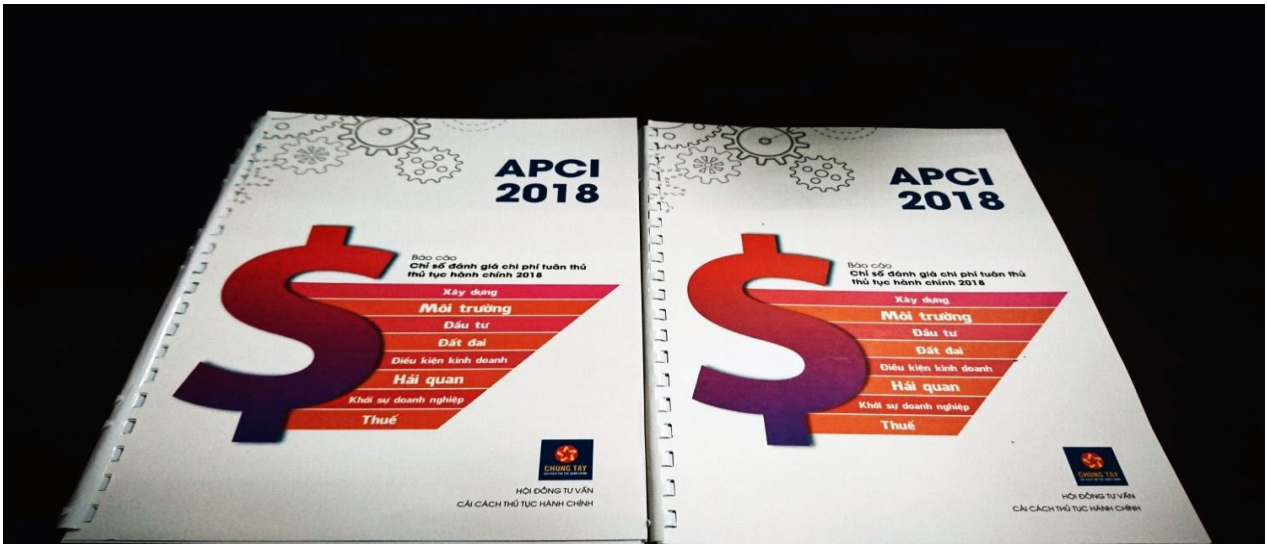
Dự thảo Luật Quản lý thuế

legalnewsletters@nhquang.com
www.nhquang.com

Văn phòng Hà Nội
Biệt thự B23, Trung Hòa-Nhân Chính
Phố Nguyễn Thị Định, Quận Thanh Xuân
ĐT: +84 24 35376939

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh
Lầu 1, Toà nhà Harmony, Số 47-49-51
Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1
ĐT: +84 28 38226290

NGHIÊN CỨU VÀ VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH



Sáng 17/08/2018, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính đã tiến hành công bố Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính năm 2018 (Báo cáo chỉ số APCI 2018). Với vai trò là thành viên thuộc nhóm chuyên gia của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính, Luật sư Nguyễn Hưng Quang và các cộng sự đã tham gia nghiên cứu, khảo sát những doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính (bằng phương thức phỏng vấn trực tiếp) và phân tích chuyên sâu để đưa ra các đánh giá, nhận định và khuyến nghị cho giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong tương lai.

Với trọng tâm là 08 nhóm thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực có tác động nhiều tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên cả nước, bao gồm **(i) Khởi sự doanh nghiệp/Đăng ký kinh doanh; (ii) Thuế; (iii) Đầu tư; (iv) Giấy phép, chứng chỉ hành nghề; (v) Hải quan; (vi) Đất đai; (vii) Môi trường; và (viii) Xây dựng**, Báo cáo APCI 2018 ra đời đánh dấu 02 năm điều hành của Chính phủ đương nhiệm với quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế cũng như thúc đẩy đầu tư trong nước, thu hút tốt hơn dòng vốn đầu tư nước ngoài. Báo cáo Chỉ số APCI 2018 được coi là dữ liệu cơ sở phục vụ cho việc đánh giá tính hiệu quả của các nỗ lực cải cách theo từng nhóm thủ tục hành chính và theo vùng miền, địa phương trong các năm tiếp theo. Đây cũng được coi là chỉ dấu cho các cơ quan nhà nước ở Trung ương tiếp tục thực hiện những phương án kiểm soát thủ tục hành chính và cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ cho các doanh nghiệp.



Tin tiêu điểm

Doanh nghiệp – Đầu tư – Thương mại

Đơn giản thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy

Tên văn bản: Quyết định 4513/QĐ-BCA-V03 của Bộ Công an về việc phê duyệt phương án cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu và đơn giản hoá, cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc trách nhiệm của Bộ Công an ("**Quyết định 4513**").

Ngày có hiệu lực: 15/08/2018.

- **Một số thay đổi:**

Ngày 15/08/2018, Bộ Công an đã ban hành Quyết định 4513 về việc đơn giản hóa và cắt giảm điều kiện kinh doanh trong thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh phòng cháy, chữa cháy ("**PCCC**"). Quyết định này có một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Về điều kiện để kinh doanh dịch vụ PCCC[1]:

  Quyết định 4513 đã cắt giảm, đơn giản hóa 05 trong tổng số 18 điều kiện đối với 05 ngành, nghề kinh doanh dịch vụ PCCC so với Nghị định 79/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi ("**Nghị định 79**"). Cụ thể, theo Nghị định 79, (i) Hoạt động tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về PCCC; (ii) Hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ PCCC, huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC; (iii) Hoạt động thi công, lắp đặt hệ thống PCCC; (iv) Hoạt động sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị PCCC và (v) Hoạt động kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư PCCC, đều phải đảm bảo điều kiện *"có địa điểm hoạt động; phương tiện, thiết bị, địa điểm bảo đảm thực hiện tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy".* Quyết định 4513 đã lược bỏ điều kiện này đối với các ngành nghề kinh doanh tương ứng kể trên, theo quy định tại Mục II, tiểu mục 2, điểm 2.2.

- Về hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính ("**TTHC**")[2]:

  Trước đây, Nghị định 79 quy định doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC bao gồm 05 văn bản, tài liệu bắt buộc[3]. Hiện nay, theo Quyết định 4513, thành phần hồ sơ đã lược giản còn 04 văn bản, tài liệu bắt buộc. Theo đó, bản sao của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh

nghiệp, cơ sở đã được bãi bỏ trong hồ sơ này. Ngoài ra, trong trường hợp doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi địa điểm, ngành, nghề kinh doanh dịch vụ PCCC, Quyết định 4513 quy định chỉ cần gửi hồ sơ bao gồm Đơn đề nghị đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC mà không cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, cơ sở sau khi thay đổi[4].

- **Một số tác động dự kiến:**

- Liên quan đến việc cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với 05 ngành, nghề kinh doanh dịch vụ PCCC, Bộ Công an đưa ra lập luận rằng: các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh có trách nhiệm tự đảm bảo về địa điểm, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, thiết bị để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở mình. Việc quy định cứng các điều kiện an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy như hiện nay là không cần thiết vì can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Bộ Công an cũng đưa ra nhận định rằng các điều kiện cũ đang quy định chung chung, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể; do đó, để quản lý điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tốt hơn thì Bộ Công an sẽ quản lý theo hướng hậu kiểm hoặc quy định tiêu chí chung về địa điểm, phương tiện, thiết bị. Mặc dù tỷ lệ đơn giản hóa không nhiều (27,78%) tuy nhiên đây là một nỗ lực đáng ghi nhận của Bộ Công an.

- Liên quan đến những thay đổi nhằm đơn giản hóa thủ tục xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC, Quyết định 4513 đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC như giảm bớt thời gian đi lại và chi phí chuẩn bị hồ sơ. Đồng thời, việc lược giản một số thành phần trong hồ sơ thực hiện TTHC cũng hỗ trợ cơ quan nhà nước tiết kiệm chi phí tuân thủ về lưu trữ hồ sơ và giải quyết TTHC trong trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo thành phần hồ sơ về bản sao một số loại giấy tờ như quy định tại Nghị định 79 trước đây. Việc đơn giản hóa TTHC dự kiến sẽ tiết kiệm chi phí 148.516.000 đồng/năm và tỷ lệ cắt giảm chi phí đạt 80,97%[5].

- **Một số khuyến nghị:**

Các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ PCCC cần cập nhật các nội dung đơn giản hoá điều kiện kinh doanh cũng như quy định mới về thành phần hồ sơ theo Quyết định 4513 để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện TTHC.

Tranh tụng – Trợ giúp pháp lý

Cập nhật tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình trong tố tụng dân sự

Tên văn bản: Thông tư 09/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình ("**Thông tư 09**")

Ngày có hiệu lực: 21/08/2018

- **Một số thay đổi:**

Ngày 21 tháng 06 năm 2018 trên tinh thần kế thừa Quyết định số 2662/QĐ-BTP về Tiêu chí xác định vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình trong hoạt động trợ giúp pháp lý năm 2016 và năm 2017 ("**Quyết định 2662**"), Bộ Tư pháp ban hành Thông tư 09 quy định về tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý ("**TGPL**") phức tạp, điển hình với một số nội dung sau:

- Trước đây, Quyết định 2662 quy định rằng hoạt động TGPL chỉ áp dụng đối với các vụ việc tham gia tố tụng của một số đối tượng cụ thể như người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại một số địa bàn nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn[6]. Thông tư 09 hiện nay đã mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng đối với các trường hợp bao gồm: (i) các vụ việc tham gia tố tụng, (ii) các vụ việc đại diện ngoài tố tụng và (iii) các hoạt động tư vấn pháp luật[7] cho những đối tượng được quy định chi tiết trong Luật TGPL 2017, Điều 7.

- Thông tư 09 bổ sung các tiêu chí mới về vụ việc tham gia tố tụng được đánh giá phức tạp, điển hình. Căn cứ trên những quy định trước đây tại Quyết định 2662, Thông tư 09 đã mở rộng thêm các tiêu chí đánh giá chung. Theo đó, (i) vụ việc liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau và (ii) những vụ việc bị kháng nghị để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm[8] là các tiêu chí được bổ sung để xác định vụ việc tham gia tố tụng phức tạp, điển hình trong TGPL.

- Thông tư 09 cũng bổ sung tiêu chí đánh giá vụ việc phức tạp, điển hình với vụ việc đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật. Theo đó, các vụ việc TGPL phức tạp, điển hình sẽ bao gồm: (i) các vụ việc khiếu nại kéo dài được dư luận đặc biệt quan tâm, nhiều cơ quan báo chí ở Trung ương hay địa phương đưa tin; hoặc (ii) các vụ việc mà tổ chức thực hiện TGPL kiến nghị các cơ quan, tổ chức về các vấn đề liên quan đến vụ việc; hoặc (iii) các vụ việc mà việc thực hiện TGPL trong vụ việc đã được giải quyết nhiều lần hoặc do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết được đánh giá là vụ việc phức tạp, điển hình[9].

- **Một số tác động dự kiến:**

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Luật TGPL 2017, các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách khi chi ngân sách cần ưu tiên chi cho các vụ việc TGPL phức tạp, điển hình. Do đó, việc Thông tư 09 mở rộng phạm vi xác định vụ việc TGPL phức tạp, điển hình sẽ tạo điều kiện

cho nhiều trường hợp ở một số tỉnh, địa bàn khó khăn được tiếp cận với dịch vụ TGPL nhiều hơn, từ đó khuyến khích phát triển hơn nữa hoạt động TGPL ở các địa bàn này.

- Việc mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chí xác định TGPL phức tạp, điển hình đối với giai đoạn ngoài tố tụng dự kiến giúp tăng cường chất lượng TGPL ở các giai đoạn như thương lượng, hòa giải đối trong các vụ việc dân sự, hành chính. Quy định trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng được TGPL cũng như hạn chế khả năng vụ việc phải đi vào giai đoạn tố tụng, góp phần tiết kiệm nguồn lực của các bên tham gia tố tụng (thời gian, công sức và tiền bạc).

- **Một số khuyến nghị:**

- Các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động TGPL cần nắm rõ các tiêu chí xác định vụ việc TGPL phức tạp, điển hình ở Thông tư 09 để có thể bảo đảm quyền lợi của mình khi tham gia hoạt động TGPL.

- Các đối tượng thụ hưởng TGPL, khi có vấn đề pháp lý phát sinh, nên chủ động tìm đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện TGPL, để có thể bảo đảm tốt hơn quyền lợi của mình, tránh để vụ việc trở nên phức tạp và phải giải quyết thông qua tố tụng.

-



Trang dự thảo

Dự thảo Luật Quản lý thuế

*Ngày 27/07/2018, Bộ Tài chính đã công bố Dự thảo Luật Quản lý thuế ("**Dự thảo Luật/Dự thảo**") với mục tiêu hướng tới hoạt động quản lý thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện. Dự thảo Luật với những quy định mới so với Luật Quản lý thuế hiện hành sẽ có tác động đáng kể tới các cá nhân, tổ chức trong việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ về thuế.*

Hiện đại hóa công tác quản lý thuế thông qua hóa đơn điện tử ("**HĐĐT**")

Có thể nhận thấy rằng, mặc dù HĐĐT đã và đang tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như hoạt động quản lý thuế của cơ quan nhà nước nhưng quy định hiện hành về phát hành, sử dụng hóa đơn đang được xây dựng để áp dụng quản lý đối với hóa đơn giấy[10] nên đa số các doanh nghiệp vẫn lựa chọn sử dụng hóa đơn giấy truyền thống, chỉ một số ít doanh nghiệp lựa chọn áp dụng HĐĐT. Thực tế, tính đến tháng 01/2018, chỉ có khoảng 3000 doanh nghiệp tiến hành áp dụng HĐĐT[11]. Với mục tiêu ứng dụng quản lý thuế hiện đại và xây dựng cơ quan thuế điện tử, Dự thảo Luật đã bổ sung các quy định liên quan đến HĐĐT, chứng từ điện tử với những nội dung chính là: khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập HĐĐT để giao cho người mua[12]. Điều này đồng nghĩa với việc nếu quy định này được thông qua, hình thức HĐĐT là sẽ hình thực được áp dụng bắt buộc trong hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thay thế hình thức hóa đơn in truyền thống. Quy định trên của Dự thảo Luật có khả năng gây ảnh hưởng lớn các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động kinh doanh và các cơ quan quản lý thuế, cụ thể như sau[13]:

(i) Đối với đối tượng bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ (nhóm đối tượng phát hành hóa đơn): sử dụng HĐĐT sẽ giúp rút ngắn chu trình quản lý, truy xuất hóa đơn của doanh nghiệp; giảm chi phí in, gửi, bảo quản, lưu trữ hóa đơn... so với sử dụng hóa đơn giấy; thuận tiện cho việc hạch toán kế toán, đối chiếu dữ liệu.

(ii) Đối với đối tượng mua hàng hóa/sử dụng dịch vụ (nhóm đối tượng là khách hàng): sử dụng HĐĐT sẽ giúp khách hàng thuận tiện trong thanh toán; giảm chi phí lưu trữ, bảo quản hóa đơn; tránh rủi ro mất hóa đơn.

(iii) Đối với các cơ quan quản lý thuế: sử dụng HĐĐT giúp ngành thuế số hóa hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn. Cơ quan thuế sẽ kịp thời ngăn chặn hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích; khắc phục tình trạng làm giả hóa đơn; khắc phục được trình trạng gian lận sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên của hóa đơn điện tử, cũng cần nhận định rằng việc áp dụng HĐĐT sẽ đòi hỏi sự đầu tư về cơ sở hạ tầng (phần mềm, thiết bị máy tính đồng bộ…) và trình độ nhân lực. Do đó, cơ quan quản lý thuế cần xây dựng một lộ trình chuyển đổi hợp lý để các tổ chức, cá nhân có hoạt động cung ứng hàng hóa, dịch vụ có đủ điều kiện để áp dụng hình thức HĐĐT.

Quy định về trách nhiệm phối hợp của ngân hàng thương mại ("NHTM")

Dự thảo Luật đã mở rộng phạm vi trách nhiệm phối hợp của NHTM trong lĩnh vực quản lý thuế. Trong đó, đáng lưu ý một số trách nhiệm của NHTM đều được bổ sung hoặc sửa đổi như sau:

(i) Dự thảo Luật quy định NHTM có trách nhiệm "*định kỳ cung cấp nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế cho cơ quan thuế*"[14]. Nội dung quy định này sẽ đặt ra vấn đề về sự cân bằng giữa quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân (Điều 21, Hiến pháp 2013) và việc thực hiện các nghĩa vụ về thuế (Điều 47, Hiến pháp 2013). Quy định này chắc chắn sẽ tạo tâm lý e ngại cho các tổ chức, cá nhân mở tài khoản thanh toán khi thông tin giao dịch của họ có khả năng bị NHTM cung cấp cho cơ quan thuế. Bên cạnh đó, các thông tin về nội dung giao dịch qua tài khoản là một kho dữ liệu khổng lồ, do đó việc lưu trữ và quản lý nguồn thông tin này sẽ là một gánh nặng cho cả phía NHTM và cơ quan thuế. Nên chăng việc cung cấp thông tin về nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế cần giới hạn lại, chỉ yêu cầu cung cấp trong trường hợp có dấu hiệu sai phạm về nghĩa vụ nộp thuế cho cơ quan thuế.

(ii) Dự thảo Luật cũng đưa ra quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của NHTM trong việc quản lý thuế: "*Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh TMĐT có phát sinh thu nhập từ Việt Nam*"[15]. Quy định này đặt ra câu hỏi về vấn đề thẩm quyền trong việc tổ chức thực hiện quản lý thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Hiện nay, trách nhiệm và thẩm quyền tính thuế, bắt nộp thuế thuộc về cơ quan thuế (và cơ quan chức năng liên quan) - không phải là trách nhiệm của NHTM. Với việc cố định trách nhiệm của NHTM – một tổ chức trung gian thanh toán với trách nhiệm quản lý thu thuế vốn thuộc về các cơ quản lý thuế sẽ là chưa thỏa đáng, bởi suy cho cùng NHTM không phải là cánh tay nối dài của cơ quan thuế, không thụ hưởng ngân sách và không nên phải gánh chịu quá nhiều trách nhiệm trong công tác quản lý thuế[16].

Quy định về khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp

Theo Bộ Tài chính, quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế về tính tiền chậm nộp thuếđang làm gia tăng nhóm đối tượng không có khả năng thu thuế (tính đến 31/12/2017), dẫn tới số nợ trên sổ sách của cơ quan thuế là nợ ảo, tạo áp lực về chi phí, nhân lực cho cơ quan thuế trong

việc theo dõi quản lý nợ thuế[17]. Từ thực trạng trên, Dự thảo Luật đã bổ sung quy định về khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, cụ thể như sau:

(i) *Nhóm người nộp thuế là cá nhân đã chết hoặc được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự*: việc áp dụng khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp đối với nhóm đối tượng này còn chưa hợp lý. Cụ thể, nếu nhóm đối tượng này không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp thì sẽ thuộc trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp[18]. Nếu nhóm đối tượng này còn tài sản thì nghĩa vụ thuế sẽ do người thừa kế/người quản lý tài sản thực hiện[19]. Trong trường hợp không có người thừa kế hoặc tất cả những người thuộc hàng thừa kế không nhận thừa kế tài sản thì việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người đã chết sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Với những lập luận đã phân tích, nghĩa vụ nộp tiền thuế, tiền chậm nộp của nhóm đối tượng nộp thuế kể trên là vẫn có khả năng thực hiện được mà không cần đến cơ chế khoanh nợ theo quy định của Dự thảo.

(ii) *Nhóm người nộp thuế đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: (i) không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh; (ii) cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn nơi có trụ sở kinh doanh, địa chỉ liên lạc của người nộp thuế để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế và người nộp thuế được xác nhận là không hiện diện tại địa bàn; và (iii) cơ quan quản lý thuế đã thông báo trên toàn quốc nhưng không nhận được phản hồi[20]:* có thể nhận thấy rằng quy định đưa ra trong Dự thảo Luật chưa bao quát được các trường hợp có thể xảy ra trên thực tế, dẫn đến nội dung quy định chưa chặt chẽ. Hay nói cách khác, để bảo đảm mục đích ban đầu của việc khoanh nợ thuế là giảm bớt áp lực thu nợ thuế với những trường hợp không còn đối tượng để thu, cơ quan thuế có lẽ cần xác minh thêm rằng người nộp thuế không còn kinh doanh ở một địa bàn khác, hoặc không kinh doanh trực tuyến. Vì rằng nếu cơ quan thuế còn có thể xác minh được thông tin của người nộp thuế thì vẫn cần tính lãi và phí phạt chậm nộp thuế như bình thường.

***Lưu ý**:*
Những nội dung của bài viết được căn cứ trên cơ sở bản Dự thảo Luật Quản lý thuế đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Đường link tham khảo:
http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=13709&_afrLoop=46292645677889189#!%40%40%3F_afrLoop%3D46292645677889189%26centerWidth%3D0%2525%26id%3D13709%26leftWidth%3D100%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dhv69ef3x1_78

Tất cả các phân tích và nhận định trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Do vậy, để có được ý kiến tư vấn cho các trường hợp cụ thể, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

Danh mục văn bản mới ban hành

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
1.	Nghị quyết 102/NQ-CP năm 2018 về giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội do Chính phủ ban hành	03/08/2018	03/08/2018
2.	Nghị định 105/2018/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	08/08/2018	08/08/2018
3.	Thông báo 4769/TB-TCHQ năm 2018 thực hiện thu phí hải quan kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ do Tổng cục Hải quan ban hành	14/08/2018	14/08/2018
4.	Thông tư 20/2018/TT-BCT sửa đổi Phụ lục I "Danh mục sản phẩm dệt may chịu sự điều chỉnh của Quy chuẩn" kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN:01/2017/BCT tại Thông tư 21/2017/TT-BCT do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	15/08/2018	01/01/2019
5.	Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo	15/08/2018	01/10/2018
6.	Thông tư 22/2018/TT-BCT hướng dẫn về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường năm 2018 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	21/08/2018	21/08/2018
7.	Nghị định 108/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp	23/08/2018	10/10/2018
8.	Nghị định 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ	29/08/2018	15/10/2018
9.	Thông tư 20/2018/TT-NHNN quy định về giám sát các hệ thống thanh toán do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	30/08/2018	01/01/2019

NHÓM BIÊN SOẠN

Trần Thị Thanh Huyền
Đầu tư, kinh doanh, thương mại
tranthanhhuyen@nhquang.com

Phạm Thị Thu Hà
Thuế, Tài chính
thuha@nhquang.com

Phùng Quang Cường
Lao động, SHTT, Giải quyết tranh chấp
quangcuong@nhquang.com

Nguyễn Văn Quang
Doanh nghiệp, kinh doanh, thương mại
quangnguyen@nhquang.com

Vũ Thị Diệu Thảo
Doanh nghiệp, Hợp đồng lao động, Phân tích chính sách
dieuthao@nhquang.com

Nguyễn Ngọc Hà
Lao động, SHTT, Giải quyết tranh chấp
ngocha@nhquang.com

Lê Hải Linh
Doanh nghiệp, thương mại
hailinh@nhquang.com

Lê Mai Phương
Thuế, Tài chính
maiphuong@nhquang.com

Nguyễn Việt Vinh
Lao động, Giải quyết tranh chấp
vietvinh@nhquang.com

[1] Quyết định 4513, Mục II.2.2.a.

[2] Quyết định 4513, Mục II.2.2.b.

[3] Nghị định 79, Điều 48, khoản 1.

[4] Hồ sơ cấp lại hoặc đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Thông tư 66/2014/TT-BCA hướng dẫn Nghị định 79/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi (Điều 19, khoản 1, điểm b).

[5] Quyết định 4513, Mục II.2.2.d.

[6] Đối tượng thụ hưởng và địa bàn áp dụng theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg

[7] Thông tư 09, Điều 1

[8] Thông tư 09. Điều 3

[9] Thông tư 09, Điều 7

[10] Nghị định 51/2010/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 04/2014/NĐ-CP

[11] Khoảng 3.000 doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn điện tử, Thời báo Tài chính Online, 25/01/2018, đường link tham khảo http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2018-01-25/khoang-3000-doanh-nghiep-da-su-dung-hoa-don-dien-tu-53097.aspx truy cập ngày 27/08/2018

[12] Dự thảo Luật, Điều 90, khoản 1

[13] Tờ trình Dự thảo Luật Quản lý thuế, trang 102 và trang p103

Báo cáo đánh giá tác động Luật Quản lý thuế, trang 95

[14] Dự thảo Luật, Điều 27, khoản 2

[15] Dự thảo Luật, Điều 27, khoản 3

[16] Dự thảo Luật quản lý thuế: Nhiều nhiệm vụ giao nhầm đối tượng, Thời báo Kinh tế Sài gòn online, 20/8/2018, đường link tham khảo: https://www.thesaigontimes.vn/277106/du-thao-luat-quan-ly-thue-nhieu-nhiem-vu-giao-nham-doi-tuong-.html vào ngày 27/08/2018

[17] Bộ Tài chính, Tờ trình về Dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) ngày 27/07/2018, Mục IV.3.4

[18] Dự thảo Luật, Điều 85, khoản 2

[19] Dự thảo Luật, Điều 69, khoản 1 và khoản 2

[20] Dự thảo Luật, Điều 84, khoản 4